TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – HƯNG YÊN** Bản án số: 81/2025/HNGĐ-ST Ngày 07/11/2025 *Về tranh chấp hôn nhân và gia đình*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Thị Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Lan

2. Ông Đinh Ngọc Phức

- Thư ký phiên toà: Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đào Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 177/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2025/QĐXX-ST ngày 24 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị L**, sinh ngày 01/11/1981; Nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: **Anh Trương Văn Đ**, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Hưng Yên.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn có mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:* Chị và anh Trương Văn Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là UBND xã H, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 20/12/1998. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ thường xuyên uống rượu say xỉn,

đánh đập vợ con. Chị L phải chịu sự hành hạ của anh Đ từ thể chất lẫn tinh thần trong một thời gian dài khiến chị mệt mỏi, chán nản. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào ngày 27/8/2025, vợ chồng chị xảy ra đánh cãi nhau, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị L sinh sống từ đó đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Trong quá trình vợ chồng xảy ra xô xát, anh Đ đã xé giấy chứng nhận kết hôn của vợ chồng nên chị L không còn giấy chứng nhận kết hôn để nộp cho Tòa án.

Về con chung: Chị và anh Đ có 03 con chung là Trương Thị Kim O, sinh năm 2000; Trương Thị H, sinh năm 2003 và Trương Thị L1, sinh ngày 08/10/2012. Hiện con L1 đang ở với chị L. Ly hôn, chị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con L1 và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Đối với con O và con H đều đã đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện chị đang là công nhân của Công ty TNHH C, thu nhập hàng tháng khoảng 6 – 7,5 triệu đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/10/2025 và ngày 24/10/2025 cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Trương Văn Đ trình bày:* Về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn của vợ chồng như chị L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, không xảy mâu thuẫn gì. Chị L trình bày anh thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con là không đúng sự thật vì anh đi làm xa, không ở nhà. Khoảng tháng 8/2025, chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị L sinh sống, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh, anh xét thấy vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị L nên anh không đồng ý ly hôn. Trường hợp chị L cương quyết xin ly hôn, anh Đ cũng phải chấp nhận. Anh Đ thừa nhận vợ chồng có đăng ký kết hôn nhưng khi vợ chồng xảy ra xô xát, chị L đã xé giấy chứng nhận kết hôn.

Về con chung: Anh và chị L có 03 con chung như chị L trình bày là đúng. Hiện con Trương Thị Kim O và Trương Thị H đã trưởng thành, tự lập về kinh tế. Nếu ly hôn, con Trương Thị L1 có nguyện vọng ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản xác minh, chính quyền địa phương cung cấp:* Anh Trương Văn Đ và chị Nguyễn Thị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là UBND xã H, tỉnh Hưng Yên) như chị L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ thường xuyên uống rượu, say xỉn, đánh đập vợ con. Theo đề nghị của chị L, các đoàn thể tại thôn đã nhiều lần tiến hành hòa giải để vợ chồng chung sống hòa thuận, phân tích cho anh Đ tác hại của rượu nhưng anh Đ vẫn chứng nào tật đấy. Ngày 27/8/2025, vợ chồng anh chị

xảy ra cãi nhau, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị L sinh sống. Nhiều ngày gần đây, anh Đ có đến nhà bố mẹ đẻ chị L chửi bới, gây mất trật tự khu xóm. Chị L và anh Đ có 03 con chung trong đó cháu Trương Thị Kim O và cháu Trương Thị H đều đã đi lấy chồng, còn cháu Trương Thị L1 đang ở với mẹ. Vợ chồng anh chị không nợ nghĩa vụ tài chính tại địa phương. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật giải quyết theo nguyện vọng hai bên.

Anh Đ trình bày tranh luận: Anh vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn chị L; không đề nghị Tòa án giải quyết đối với cháu Trương Thị Kim O và cháu Trương Thị H, về tài sản chung, nợ chung; đề nghị Tòa án giải quyết đối với cháu Trương Thị L1 theo nguyện vọng của cháu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án xử cho chị L được ly hôn anh Đ; xử giao con Trương Thị L1, sinh ngày 08/10/2012 cho chị L nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con; không đặt ra giải quyết đối với con Trương Thị Kim O và Trương Thị H, tài sản chung, nợ chung. Chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng, bị đơn có mặt tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án có mặt bị đơn, vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về hôn nhân: Theo lời khai của chị Nguyễn Thị L, anh Trương Văn Đ thì anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là UBND xã H, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 20/12/1998. Tuy nhiên, giấy chứng nhận kết hôn của vợ chồng không còn do anh chị đã xé trong lúc vợ chồng xảy ra xô xát. Theo cung cấp của ông Phạm Văn T là Cán bộ tư pháp xã H (cũ), cơ cở thôn T, xã H và UBND xã H, tỉnh Hưng Yên thì chị L và anh Đ có đăng ký kết hôn như anh chị trình bày là đúng. Hiện UBND xã H không còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn và hồ sơ đăng ký kết hôn năm 1998. Sau khi xem xét, đánh giá lời khai của các đương sự, cung cấp của chính quyền địa phương và các tài liệu,

chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như Giấy khai sinh của cháu Trương Thị Kim O năm 2000, cháu Trương Thị H năm 2003 và cháu Trương Thị L1 năm 2012, Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Trương Văn Đ của Công an xã H (cũ) năm 2014, Giấy xác nhận thông tin nơi cư trú của Công an xã H năm 2025… Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định chị L và anh Đ có đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/1998 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là UBND xã H, tỉnh Hưng Yên). Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị L, cung cấp của chính quyền địa phương thể hiện quá trình chung sống, vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân chính là do anh Đ thường xuyên uống rượu dẫn đến không làm chủ hành vi, cư xử thiếu chuẩn mực đối với vợ con. Bản thân chị L nhiều lần bị anh Đ đánh đập dẫn đến ảnh hưởng nghiêm trọng về sức khỏe, tinh thần. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân, mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau. Anh Đ trình bày anh còn tình cảm vợ chồng với chị L nên anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải mục đích để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị L giữ nguyên quan điểm cương quyết xin ly hôn; anh Đ không đến Tòa án làm việc, không có biện pháp để đoàn tụ thể hiện cả hai không còn muốn duy trì quan hệ hôn nhân nữa. Như vậy, hôn nhân giữa chị L và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Trương Văn Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trương Văn Đ có 03 con chung là cháu Trương Thị Kim O, sinh năm 2000; cháu Trương Thị H, sinh năm 2003 và cháu Trương Thị L1, sinh ngày 08/10/2012. Ly hôn, chị L có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu L1 và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con chung. Chị L hiện là công nhân, có thu nhập hàng tháng đảm bảo cuộc sống, có nơi ở ổn định. Anh Đ đề nghị giải quyết việc nuôi con đối với cháu L1 theo nguyện vọng của cháu. Tại biên bản lấy lời khai, cháu L1 trình bày nguyện vọng muốn ở với mẹ. Xét thấy, chị L có đủ điều kiện về nơi ở, kinh tế, thời gian… để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu L1 nên cần xử giao cháu Trương Thị L1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với cháu Trương Thị Kim O và cháu Trương Thị H đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trương Văn Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 235; 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QĐ15.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trương Văn Đ.

2. Về con chung: Xử giao con chung là Trương Thị L1, sinh ngày 08/10/2012 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Trương Văn Đ cấp dưỡng cho con chung cùng chị.

Anh Trương Văn Đ có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Chị Nguyễn Thị L, anh Trương Văn Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

Không đặt ra giải quyết đối với cháu Trương Thị Kim O, sinh năm 2000 và cháu Trương Thị H, sinh năm 2003.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001783 ngày 06/10/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Hưng Yên thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn anh Trương Văn Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 07/11/2025.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Nguyệt

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã Hồng Minh, tỉnh Hưng Yên);
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Nguyệt

THÀNH VIÊN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Nguyệt

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã Hồng Minh, tỉnh Hưng Yên);
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Nguyệt